

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 17 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Thẩm phán: Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hội.
- Bà Lê Kim Thủy.
- Ông Lê Minh Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Quốc Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Thị Hiếu; tên gọi khác: K; sinh năm 1995 tại tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh C và bà Thị H; có chồng là Đỗ Chí T và có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giam: Không. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Trương Thanh V - Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Tô Kiều O - Sinh năm: 1993; (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Trương Thị Bé C1 - Sinh năm: 1993; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Phan Thị Cẩm T1 - Sinh năm: 2000; (Có mặt)

Nơi thường trú: Ấp T, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ở hiện tại: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

4. Nguyễn Thị Kim A - Sinh năm: 1999; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Đỗ Chí T - Sinh năm: 1991; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Đỗ Thị Thanh H1 - Sinh năm: 1982; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số E đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyễn Thị Bé B - Sinh năm: 1979; (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu vực 1, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2017, Thị H2 bắt đầu hoạt động kinh doanh online bằng hình thức tìm thu mua các sản phẩm quần áo may sẵn từ người khác, sau đó sử dụng tài khoản Z và F tên “*Kiều Panda*” thực hiện live stream, đăng tải hình ảnh các sản phẩm nhằm quảng cáo đến mọi người để bán lại sản phẩm nêu trên. Nếu khách hàng có nhu cầu mua sản phẩm với số lượng ít thì H2 sử dụng số hàng hóa đã mua dự trữ từ trước để giao cho khách hàng, ngược lại đối với các đơn hàng lớn, sau khi thống nhất số lượng, giá mua bán thì H2 nhận tiền cọc của khách hàng rồi liên hệ với người bán hàng cho H2 để đặt mua số lượng quần áo tương ứng với đơn hàng người mua đã thỏa thuận mua của H2 rồi nhận quần áo về giao cho khách hàng, sau khi nhận được hàng thì người mua sẽ thanh toán số tiền còn lại cho H2. Ngoài ra, cũng có trường hợp khách hàng chuyển tiền đủ cho H2 để H2 chuyển về người bán hàng, sau đó người bán hàng sẽ giao sản phẩm trực tiếp cho khách hàng của H2. Thời gian đầu H2 luôn thực hiện đúng giao dịch, giao hàng đầy đủ cho khách hàng, tuy nhiên đến năm 2021 (khi đại

dịch C3 - 19 bùng phát), số lượng hàng H2 đặt mua về để bán lại cho khách hàng bị hạn chế nên bên bán hàng đã tăng giá sản phẩm trong khi H2 đã nhận tiền cọc của khách hàng với giá mua thấp hơn nên dần bị thua lỗ và bị nợ nhiều đơn hàng của khách. Quá trình mua bán tiếp theo các khách hàng đặt mua sản phẩm của H2 vẫn không đồng ý đặt mua hàng với giá trị cao hơn tương ứng với giá bên phía người bán đã bán cho H2. Do vậy, để duy trì hoạt động kinh doanh và đồng thời H2 nhận định đến khi đại dịch C2 - 19 không còn thì giá sản phẩm từ người bán hàng sẽ giảm, khi đó H2 sẽ có lợi nhuận trở lại nên H2 đã thỏa thuận bán quần áo cho nhiều người khác nhau với giá thấp hơn giá của thị trường để các bị hại thấy rẻ mà mua hàng nhằm chiếm đoạt toàn bộ hoặc một phần số tiền mà các bị hại đã giao cho H2 để sử dụng mua quần áo giao lại cho khách hàng khác của H2 còn nợ. Khi các bị hại hỏi về số lượng quần không thể giao theo thỏa thuận mua bán ban đầu thì H2 đưa ra lý do là ảnh hưởng của dịch C2 - 19, nhà xe vận tải gặp sự cố, vải từ Trung Quốc chưa nhập về nên chưa có hàng giao cho các bị hại để họ tin tưởng nhằm có thêm thời gian tiếp tục hoạt động kinh doanh. Với thủ đoạn như trên, Thị H2 đã chiếm đoạt tiền của những bị hại sau:

1. Bà Tô Kiều O:

Trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch mua bán (từ ngày 22/10/2021 đến 15/11/2021), bà O đã nhiều lần chuyển khoản cho H2. Cụ thể:

- Ngày 22/10/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 02 lần: 01 lần 25.660.000 đồng và 01 lần 16.500.000 đồng.

- Ngày 23/10/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 2.500.000 đồng.

- Ngày 24/10/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 57.300.000 đồng.

- Ngày 26/10/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 39.500.000 đồng.

- Ngày 26/10/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 12.500.000 đồng.

- Ngày 28/10/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 5.000.000 đồng.

- Ngày 29/10/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 22.000.000 đồng.

- Ngày 29/10/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 02 lần: 01 lần 11.510.000 đồng và 01 lần 16.100.000 đồng.

- Ngày 30/10/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 23.000.000 đồng.

- Ngày 02/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 03 lần: 01 lần 11.700.000 đồng, 01 lần 20.000.000 đồng và 01 lần 35.000.000 đồng.

- Ngày 03/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 03 lần: 01 lần 60.000.000 đồng, 01 lần 20.000.000 đồng và 01 lần 20.000.000 đồng.

- Ngày 03/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 15.000.000 đồng.

- Ngày 04/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 02 lần: 01 lần 55.000.000 đồng và 01 lần 30.000.000 đồng.

- Ngày 04/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 35.500.000 đồng.

- Ngày 05/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 61.000.000 đồng.

- Ngày 07/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 05 lần: 01 lần 73.000.000 đồng, 01 lần 5.200.000 đồng, 01 lần 21.900.000 đồng, 01 lần 12.000.000 đồng và 01 lần 20.000.000 đồng.

- Ngày 07/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 02 lần: 01 lần 45.720.000 đồng và 01 lần 71.000.000 đồng.

- Ngày 08/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 45.000.000 đồng.

- Ngày 08/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 86.500.000 đồng.

- Ngày 09/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 15.000.000 đồng.

- Ngày 10/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 18.400.000 đồng.

- Ngày 11/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 02 lần, 01 lần 100.000.000 đồng và 01 lần 60.000.000 đồng.

- Ngày 11/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 25.600.000 đồng.

- Ngày 12/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 03 lần: 01 lần 39.000.000 đồng, 01 lần 15.600.000 đồng và 01 lần 20.000.000 đồng.

- Ngày 12/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của chồng tên Ngô Ngọc T2 chuyển khoản cho H2 02 lần: 01 lần 39.000.000 đồng và 01 lần 10.000.000 đồng.

- Ngày 15/11/2021, bà O sử dụng số tài khoản của cá nhân chuyển khoản cho H2 35.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà O đã chuyển khoản cho H2 nêu trên là 1.352.690.000 đồng, trong đó 22.000.000 đồng bà O chuyển khoản cho H2 vào ngày 29/10/2021 là tiền bà O cho H2 mượn (không có liên quan đến việc mua bán), số tiền còn lại 1.330.690.000 đồng là tiền bà O chuyển cho H2 để mua quần áo. Mỗi 01 lần chuyển khoản có thể bao gồm 01 hoặc nhiều đơn hàng, mỗi đơn hàng có thể gồm nhiều kiểu quần áo khác nhau nhưng không xác định được số lượng cụ thể và giá bán từng sản phẩm, tuy nhiên dao động từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng/bộ (thời điểm này giá thị trường là khoảng từ 90.000 đồng/bộ trở lên).

Đối với các đơn hàng trên, H2 chỉ giao cho bà O được số lượng quần áo tương ứng với số tiền 908.000.000 đồng, số tiền còn lại 422.690.000 đồng H2 đã chiếm đoạt để mua quần áo giao lại cho khách hàng khác (H2 không nhớ cụ thể là ai). Ngoài ra, trong quá trình mua bán với nhau, H2 nợ bà O thêm 602.310.000 đồng do cản trở các đơn hàng mua bán quần áo với nhau. Tổng số tiền H2 còn nợ bà O là 1.047.000.000 đồng.

** Tổng số tiền Thị H2 đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của bà Tô Kiều O (dùng để truy cứu trách nhiệm hình sự) là 422.690.000 đồng.*

2. Bà Trương Thị Bé C1:

Quá trình giao dịch, bà C1 đã thỏa thuận mua của Thị H2 nhiều đơn hàng nhưng có 05 đơn hàng từ khi nhận tiền của bà C1 xong cho đến nay H2 không giao hàng theo như thỏa thuận. Cụ thể:

- *Đơn hàng 1:* Bà C1 đặt mua của H2 số lượng 2.500 bộ quần áo may sẵn, loại Pijama, giá 68.000 đồng/bộ, thành tiền 170.000.000 đồng. Đơn hàng này, bà C1 đưa đủ số tiền 170.000.000 đồng cho H2.

- Đơn hàng 2: Bà C1 đặt mua của H2 số lượng 1.860 bộ quần áo may sẵn, loại Pijama, giá 67.000 đồng/bộ, thành tiền 124.620.000 đồng. Đơn hàng này, bà C1 đưa đủ số tiền 124.620.000 đồng cho H2.

- Đơn hàng 3: Bà C1 đặt mua của H2 số lượng 1.600 bộ quần áo may sẵn, loại Pijama, giá 67.000 đồng/bộ, thành tiền 107.200.000 đồng. Đơn hàng này, bà C1 đã đưa cho H2 96.200.000 đồng.

- Đơn hàng 4: Bà C1 đặt mua của H2 số lượng 5.000 bộ quần áo may sẵn, loại Pijama, giá 67.000 đồng/bộ, thành tiền 335.000.000 đồng. Đơn hàng này, bà C1 đã đưa cho H2 200.000.000 đồng.

- Đơn hàng 5: Bà C1 đặt mua của H2 số lượng 1.080 bộ quần áo may sẵn, loại Pijama, giá 67.000 đồng/bộ, thành tiền 72.360.000 đồng. Đơn hàng này, bà C1 đưa đủ số tiền 72.360.000 đồng cho H2.

Thời gian giao dịch là trong năm 2021, hình thức thanh toán là chuyển khoản nhưng không xác định cụ thể số tiền từng lần. Tổng giá trị 05 đơn hàng nêu trên là 809.180.000 đồng, tuy nhiên bà C1 chỉ đưa cho H2 tổng số tiền là 663.180.000 đồng, số tiền này H2 đã chiếm đoạt dùng để mua quần áo giao lại cho bà Phan Thị Cẩm T3 và một số khách hàng khác (H2 không nhớ cụ thể là ai). Ngoài ra, quá trình mua bán H2 còn nợ bà C1 số tiền 270.780.000 đồng, tổng cộng H2 nợ bà C1 là 933.960.000 đồng. Tính đến hiện tại, H2 đã trả lại cho bà C1 được 69.960.000 đồng, hiện còn nợ số tiền 864.000.000 đồng.

** Tổng số tiền Thị H2 đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của bà Trương Thị Bé C1 (dùng để truy cứu trách nhiệm hình sự) là 663.180.000 đồng và đã khắc phục hậu quả được số tiền 69.960.000 đồng.*

3. Bà Phan Thị Cẩm T1:

Ngày 26/11/2021, bà T1 chuyển khoản cho H2 183.000.000 đồng để đặt mua quần áo, số lượng khoảng 3.000 bộ, giá 67.000 đồng/bộ, nhưng đến nay H2 không giao hàng theo như thỏa thuận. Số tiền này, H2 đã chiếm đoạt và sử dụng 180.000.000 đồng để mua quần áo giao lại cho bà Tô Kiều O, số tiền 3.000.000 đồng còn lại H2 đã chuyển khoản cho bà Đỗ Thị Thanh H1, sinh năm 1982, ĐKTT: Số E, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ để thuê xe vận chuyển quần áo.

** Tổng số tiền Thị H2 đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của bà Phan Thị Cẩm T1 (dùng để truy cứu trách nhiệm hình sự) là 183.000.000 đồng.*

4. Bà Nguyễn Thị Kim A:

Tháng 11/2021, sau khi thỏa thuận mua quần áo của H2 xong thì bà Kim A đã 06 lần chuyển tiền vào tài khoản của H2. Cụ thể:

- Ngày 01/11/2021, bà Kim A chuyển khoản cho H2 02 lần: 01 lần 40.000.000 đồng và 01 lần 24.100.000 đồng.
- Ngày 02/11/2021, bà Kim A chuyển khoản cho H2 24.300.000 đồng.
- Ngày 11/11/2021, bà Kim A chuyển khoản cho H2 02 lần: 01 lần 20.000.000 đồng và 01 lần 36.700.000 đồng.
- Ngày 13/11/2021, bà Kim A chuyển khoản cho H2 10.650.000 đồng.

Tổng cộng là 155.750.000 đồng (không nhớ số lượng cụ thể và giá của mỗi bộ tương ứng với từng lần chuyển khoản), sau khi nhận tiền xong nhưng đến nay H2 không giao hàng theo như thoả thuận. Số tiền nêu trên, H2 chiếm đoạt và dùng để mua quần áo giao lại cho bà Tô Kiều O và một số khách hàng khác (H2 không nhớ cụ thể là ai).

** Tổng số tiền Thị H2 đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim A (dùng để truy cứu trách nhiệm hình sự) là 155.750.000 đồng và đã khắc phục hậu quả 77.750.000 đồng.*

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKSHG-P1 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Thị H2 có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Thị H2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án tù từ 10 (mười) đến 11 (mười một) năm tù; về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt; về xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét; về án phí: Đề nghị buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật truy tố, xét xử đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến của bị hại: Không thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc để răn đe và xem xét trách nhiệm hình sự của ông Đỗ Chí T là chồng của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Về nội dung vụ án:

[2] Tại phiên tòa bị cáo Thị H2 thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên tòa, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở chứng minh được rằng: Bị cáo Thị Hiếu bắt đầu hoạt động kinh doanh online mua bán các sản phẩm quần áo may sẵn trên mạng xã hội Zalo và Facebook tại thành phố V, tỉnh Hậu Giang từ tháng 11/2017. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 7/2022, do việc kinh doanh quần áo bị thua lỗ, để duy trì hoạt động kinh doanh nên bị cáo Thị H2 đã thỏa thuận bán quần áo cho người mua hàng với giá thấp hơn giá của thị trường để người mua hàng thấy rẻ mà mua hàng và trả tiền mua hàng trước hoặc đặt cọc tiền mua hàng cho bị cáo. Tuy nhiên, sau khi người mua hàng trả tiền mua hàng trước hoặc đặt cọc tiền mua hàng cho bị cáo theo thỏa thuận, bị cáo chỉ giao cho người mua hàng một phần hàng hóa theo đơn hàng hoặc không giao hàng cho người mua hàng nhằm chiếm đoạt một phần hoặc toàn bộ số tiền thanh toán đơn hàng hoặc tiền đặt cọc của người mua hàng. Với thủ đoạn nêu trên, bị cáo Thị H2 đã chiếm đoạt của 04 bị hại là bà Tô Kiều O, bà Trương Thị Bé C1, bà Phan Thị Cẩm T1 và bà Nguyễn Thị Kim A với tổng số tiền là 1.424.620.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 1.424.620.000 đồng đã cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Từ những căn cứ trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Thị H2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo

là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần có mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] - Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] - Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại trên 02 lần và mỗi lần phạm tội giá trị tài sản chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] - Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại với số tiền 147.710.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện tội phạm nhiều lần, bị hại tại phiên tòa yêu cầu xử lý nghiêm đối với bị cáo, ngoài ra số tiền bị cáo khắc phục hậu quả do hành vi gây ra là không lớn so với số tiền mà bị cáo chiếm đoạt nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy nhiên với các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về mức án khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[9] - Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt và số tiền nợ trong quá trình mua bán, cụ thể như sau: Bà Tô Kiều O yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt là 422.690.000 đồng. Bà Trương Thị Bé C1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt là 663.180.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt là 155.750.000 đồng. Bà Phan Thị Cẩm T1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt là 183.000.000 đồng.

[10] - Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất trả lại số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của các bị hại nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho các bị hại. Đối với số tiền nợ trong quá trình mua bán giữa bị cáo và các bị hại Tô Kiều O và Trương Thị Bé C1 là giao dịch dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét

giải quyết trong vụ án này mà ghi nhận cho bà Tô Kiều O và bà Trương Thị Bé C1 được quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

[11] - Đối với giao dịch giữa bị cáo và bà Nguyễn Thị Bé B, xét thấy đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo và bà Nguyễn Thị Bé B, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không xem xét giải quyết trong vụ án này ghi nhận cho bà Nguyễn Thị Bé B được quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

[12] Đối với yêu cầu của các bị hại về việc xem xét trách nhiệm hình sự của ông Đỗ Chí T là chồng của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa chứng minh được trong quá trình bị cáo hoạt động kinh doanh thì ông T có tham gia hỗ trợ vận chuyển hàng hóa giao cho khách hàng giùm bị cáo, cung cấp số tài khoản cá nhân để bị cáo nhận tiền từ khách hàng, tuy nhiên việc bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại thì ông T không có xúi giục, bàn bạc thống nhất gì trước với bị cáo nên không đủ cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông T trong vụ án này. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông T là phù hợp.

[13] Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan tiến hành tố tụng không thu giữ vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Thị H2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thị H2 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Thị H2 phải có trách nhiệm trả lại cho các bị hại số tiền chiếm đoạt như sau:

- Trả lại cho bà Tô Kiều O số tiền 422.690.000 (bốn trăm hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng.

- Trả lại cho bà Trương Thị Bé C1 số tiền 663.180.000 (sáu trăm sáu mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền đã bồi thường trước 69.960.000 (sáu mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng, còn lại số tiền 593.220.000 (năm trăm chín mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 155.750.000 (một trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền đã bồi thường trước 77.750.000 (bảy mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, còn lại số tiền 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng.

- Trả lại cho bà Phan Thị Cẩm T1 số tiền 183.000.000 (một trăm tám mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Thị H2 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 50.307.300 (năm mươi triệu ba trăm lẻ bảy nghìn ba trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (CQĐT, PV06, PC11);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Hoàng Lâm